|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ VẠN NINH**KHOA………………………….** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC SINH**

*Biểu mẫu số 17*

**Học kỳ:………… Năm học: ……………..**

Họ và tên học sinh:................................................................ Ngày sinh:..................................

Lớp:............................................................. Khoá học:.........................

| **Nội dung đánh giá** | **Điểm****tối đa** | **HSSV****tự đánh giá** | **Lớp và GVCN****đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- |
| **1. Về ý thức, thái độ và kết quả học tập** | **30** |  |  |
| a. Có ý thức và thái độ học tập tốt : Chuẩn bị vở sách, dụng cụ học tập, dụng cụ thực hành theo đúng yêu cầu của giáo viên bộ môn, qui định của Nhà trường | 5 |  |  |
| b. Tích cực tham gia phát biểu xây dựng bài, tham gia đầy đủ các hoạt động chuyên môn, hoạt động ngoại khóa do Nhà trường tổ chức | 5 |  |  |
| c. Tích cực tham gia dự thi HSSV giỏi nghề các cấp khi có tổ chức | 5 |  |  |
| d. Có ý thức tự học, tự nghiên cứu để nâng cao kiến thức, kỹ năng, tay nghề | 5 |  |  |
| đ. Kết quả học tập cuối học kỳ hoặc cuối năm cụ thể:*- Xếp loại Xuất sắc: 10 điểm;* *- Xếp loại Giỏi: 8 điểm;* *- Xếp loại Khá: 7 điểm;* *- Xếp loại Trung bình khá: 5 điểm;* *- Xếp loại Trung bình: 3 điểm;* *- Xếp loại Yếu: 0 điểm.* | 10 |  |  |
| **2. Về ý thức chấp hành pháp luật và nội quy, quy chế của Nhà trường** | **25** |  |  |
| a. Đi học đầy đủ, vắng có lý do chính đáng (số buổi vắng có lý do không quá 10% tổng số tiết quy định) | 5 |  |  |
| b. Không đi trễ, bỏ giờ, bỏ tiết. Khi học trong lớp, thực hành trong xưởng không nói chuyện, gây mất trật tự, làm việc riêng | 5 |  |  |
| c. Thực hiện việc mặc đồng phục, đeo bảng tên, trang bị bảo hộ lao động trong giờ học, giờ thực hành đúng quy định. Không hút thuốc lá, nhai kẹo cao su trong trường, không uống bia rượu khi đến lớp,… | 5 |  |  |
| d. Đóng học phí, các khoản thu khác theo quy định của Nhà trường kịp thời, đúng thời gian quy định | 5 |  |  |
| đ. Quan hệ với bè bạn đúng mực, không nói tục chửi thề. Lễ phép với thầy, cô giáo, cán bộ viên chức của Nhà trường và người lớn tuổi | 5 |  |  |
| **3. Về ý thức tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội** | **25** |  |  |
| a. Tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao do Nhà trường tổ chức | 5 |  |  |
| b. Tham gia đầy đủ các hoạt động tuyên truyền, hoạt động chính trị- xã hội (học tập chính trị, tham gia các hội thi... ) do Nhà trường và các đoàn thể trong Nhà trường tổ chức | 5 |  |  |
| c. Không vi phạm và tích cực tuyên truyền phòng chống các tệ nạn xã hội như: cờ bạc, rượu chè, chất kích thích, chất gây nghiện, ma túy, mại dâm... | 5 |  |  |
| d. Thực hiện nghiêm túc luật An toàn giao thông trong quá trình tham gia giao thông. | 5 |  |  |
| đ. Quan hệ tốt với cộng đồng (khu dân cư, ký túc xá, nhà trọ...), giữ gìn An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, có tinh thần giúp đỡ bạn bè, cưu mang người gặp khó khăn | 5 |  |  |
| **4. Về ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, công tác đoàn thể, các tổ chức khác của Nhà trường hoặc có thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng** | **20** |  |  |
| a. Là cán bộ lớp, cán bộ Đoàn và các tổ chức đoàn thể khác trong nhà trường có đóng góp cho tập thể, phát huy được tác dụng, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao | 5 |  |  |
| b. Hỗ trợ tích cực và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, khoa và Nhà trường | 5 |  |  |
| c. Có thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện (đạt giải trong các kỳ thi), sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nghiên cứu khoa học hoặc có những thành tích đột xuất đặc biệt (cứu người, bắt cướp, phòng chống thiên tai, lũ lụt, ngăn ngừa tội phạm...) | 10 |  |  |
| **Tổng cộng** | **100** |  |  |

**\* Xếp loại kết quả Rèn luyện:**

- Loại **Xuất sắc**: Từ 90 đến 100 điểm;
- Loại **Tốt**: Từ 80 đến dưới 90 điểm;

- Loại **Khá**: Từ 70 đến dưới 80 điểm;
- Loại **Trung bình**: Từ 50 đến dưới 70 điểm;

- Loại **Yếu**: Dưới 50 điểm

**Lưu ý:** Học sinh bị kỷ luật hình thức ***khiển trách*** thì kết quả rèn luyện không
vượt quá loại **Khá**; bị kỷ luật từ hình thức ***cảnh cáo*** trở lên thì kết quả rèn luyện không vượt
quá loại **Trung bình**. Điểm rèn luyện là tổng của các mục đánh giá trên (nếu cộng điểm thưởng vượt quá 100 thì làm tròn bằng 100).

**Kết luận: Điểm rèn luyện:**………………. **Xếp loại**:……………………………..

|  |  |
| --- | --- |
| **GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM***(Ký và ghi rõ họ tên)* | *Vạn Ninh, ngày …..tháng…..năm 20….***HỌC SINH TỰ ĐÁNH GIÁ***(Ký và ghi rõ họ tên)* |